TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2019
(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thanh - Ông Nguyễn Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 280/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:133/2019/QĐXX-ST ngày 19/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐ-HPT ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh ngày 20/6/1993.
Địa chỉ cư trú: xóm T, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Đặng Văn B - sinh ngày 20/01/1991.
Địa chỉ cư trú: xóm T, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án án có nội dung sau:

Chị Nguyễn Thị X và anh Đặng Văn B cưới nhau vào tháng 02/2016, trước khi tiến tới hôn nhân anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện đến với nhau. Trước khi cưới chị X, anh B đã đến UBND xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An làm thủ tục đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:03 ngày 17/02/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị X trình bày là sau khi sống chung thấy vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, trong

cuộc sống chung vợ chồng thường cải cọ, xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng mất tình cảm, hôn nhân rạn nứt. Do muốn níu kéo hôn nhân chị X đã nhiều lần góp ý để anh B sửa đổi để vợ chồng tiếp tục sống với nhau, nhưng mọi việc không được như chị X mong muốn, thậm chí mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra ngày càng trầm trọng, sâu sắc hơn. Mỗi khi mâu thuẫn xẩy ra thì anh B đã dùng những lời nói gây khó chịu cho chị X làm chị X mất hết tình cảm, tình yêu đối với anh B. Mâu thuẫn xẩy ra vợ chồng đã tự hòa giải tại gia đình nhưng không có kết quả, chị X xác định hôn nhân giữa chị và anh B đã thực sự đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, để ổn định cuộc sống chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn B.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có với nhau 01 con chung cháu Đặng Minh Q(Giới tính: nam), sinh ngày 09/02/2017 con chung được vợ chồng cùng nhau nuôi dạy tốt, phát triển tốt về mọi mặt.Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị X có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đặng Văn B, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu chị X, anh B có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh B không hợp tác để giải quyết, cố tình vắng mặt, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến, trình bày của anh B để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do chị X cung cấp, xác minh tình trạng hôn nhân, con chưa thành niên tại địa phương thì Về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân và về quan hệ con chung cơ bản đúng như chị X trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị X, anh Đặng Văn B yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh B không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có mặt, bị đơn anh Đặng Văn B vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét

xử vụ án.Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị X có mặt, bị đơn anh B tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị X và anh Đặng Văn B đảm bảo đúng quy định của pháp luật, hôn nhân giữa chị X, anh B là hoàn toàn tự nguyện.Trước khi cưới anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:03 ngày 17/02/2016, qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị X và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh B đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, quá trình sống chung vợ chồng đã có những lời nói, hành động, xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng mất tình cảm hôn nhân rạn nứt, mâu thuẫn xẩy ra ngày càng trầm trọng, sâu sắc dẫn đến hôn nhân đổ vỡ. Sau khi mâu thuẫn xẩy ra đã được gia đình hai bên đã vun vén động viên để để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có kết quả, từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị X và anh B thực sự đổ vỡ, tan rã, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn B là đúng có căn cứ, cần xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Đặng Văn B.

[2] Về quan hệ con chung: Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra sâu sắc, trầm trọng nhưng con chung của vợ chồng được vợ chồng nuôi dạy tốt đảm bảo quyền lợi của con chung thể hiện người mẹ, người bố có trách nhiệm đối với con chung. Nhưng con chung của vợ chồng chưa được 3 năm tuổi đang cần sự chăm sóc của người mẹ, chị X đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị X.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu anh Đặng Văn B cấp dưỡng nuôi con chung, nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B cho đến lúc có yêu cầu.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị X nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Đặng Văn B.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Đặng Minh Q(Giới tính: nam), sinh ngày 09/02/2017 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đặng Văn B cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Đặng Văn B người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003779 ngày 25/6/2019 tại Chi cục thi hành án Yên Thành, chị Nguyễn Thị X đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo; Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:
- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã C(ĐKKH)
- Lưu hs, VP

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc